

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
**(theo học chế tín chỉ)**

Tên chương trình : **Quản trị khách sạn**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Quản trị khách sạn**  
Mã số : **7810201**  
Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-ĐHTĐ ngày 20/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)*

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị khách sạn được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân ngành Quản trị khách sạn có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của ngành, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc tốt trong các lĩnh vực dịch vụ khách sạn, nhà hàng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành du lịch, khách sạn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế, đồng thời có năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

**1.1.1. Mục tiêu cụ thể**

**1.1.1.1. Về kiến thức:**

- G1.** Những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, văn hoá
- G2.** Có kiến thức cơ bản về quản trị học, tổng quan du lịch, tâm lý khách du lịch, địa lý du lịch, văn hóa ẩm thực, quản lý nhà nước về du lịch, phát triển du lịch bền vững, văn hóa du lịch, du lịch thế giới, văn hóa đa quốc gia...
- G3.** Có kiến thức cơ bản về quản trị nhân sự trong khách sạn, quản trị ẩm thực, quản trị kinh doanh lưu trú, nghiệp vụ quản lý an toàn về sinh trong nhà hàng, quản lý điều hành yến tiệc, quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn,...
- G4.** Kiến thức về các dịch vụ liên quan như ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh (nhà hàng), ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú, quản trị chất

lượng sản phẩm và dịch vụ, Quản trị du lịch MICE, kỹ năng hoạt náo, quản trị khu du lịch – khu nghỉ dưỡng, quản trị tài chính doanh nghiệp, lập và phân tích dự án kinh doanh khách sạn,...

**G5.** Có kiến thức về quy trình nghiệp vụ: nghiệp vụ buồng phòng, nghiệp vụ phục vụ buồng quầy bar, nghiệp vụ nhà hàng khách sạn,.... và mối quan hệ của bộ phận điều hành và các bộ phận khác trong khách sạn.

#### **1.1.1.2. Về kỹ năng**

**G6.** Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị khách sạn, nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

**G7.** Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu, diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp trong hoạt động chuyên môn.

**G8.** Có kỹ năng giao tiếp, nói trước công chúng, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phản biện,...

#### **1.1.1.3. Về Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

**G19.** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt.

**G10.** Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**G11.** Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi và phát triển.

## **2. Chuẩn đầu ra:**

### **2.1 Kiến thức**

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>
<b>LO1</b>	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ, khoa học xã hội nhân văn và các ngành khoa học liên quan ứng dụng trong hoạt động kinh doanh khách sạn và lưu trú.
<b>LO2</b>	Phân tích được các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát trong hoạt động kinh doanh khách sạn, bao gồm các lĩnh vực như về tài chính, nhân sự, marketing, kinh doanh lưu trú, tổ chức sự kiện, quản trị khu du lịch, chất lượng dịch vụ, ẩm thực...

<b>LO3</b>	Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và các hệ thống vận hành, quản lý trong ngành khách sạn. Hiểu các nguyên tắc marketing trong ngành khách sạn, bao gồm các chiến lược tiếp thị truyền thông và trực tuyến, xây dựng thương hiệu khách sạn và quảng bá dịch vụ đến đúng đối tượng khách hàng,...
<b>LO4</b>	Nắm vững chức năng và quy trình vận hành các bộ phận trong khách sạn. Phân tích được những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về nghiệp vụ khách sạn và quản trị tác nghiệp khách sạn.
<b>LO5</b>	Vận dụng được nghiên cứu khoa học có tính thực tiễn trong lĩnh vực khách sạn, lưu trú... Phân tích được những kiến thức về kinh doanh khách sạn, lưu trú và vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn. Kiểm soát được hoạt động quản lý và đảm bảo chất lượng các dịch vụ đặc thù trong cơ sở lưu trú.

## 2.2 Kỹ năng

### 2.2.1 Kỹ năng cứng

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>
<b>LO6</b>	Thực hiện thành thạo kỹ năng tác nghiệp các nghiệp vụ trong khách sạn. Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình hiệu quả trong môi trường làm việc đa văn hóa, quốc tế.
<b>LO7</b>	Vận dụng khởi nghiệp, có khả năng dẫn dắt khởi nghiệp kinh doanh khách sạn, tạo động lực cho bản thân và đội nhóm, tự khởi nghiệp và tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp.
<b>LO8</b>	Thực hiện được kỹ năng quản trị tác nghiệp khách sạn (việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch, quản lý các nguồn lực, đánh giá hiệu quả kinh doanh).

### 2.2.2 Kỹ năng mềm

Các kỹ năng hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực cá nhân như:

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>
<b>LO9</b>	Có kỹ năng thoả thuận, thuyết phục, đàm phán trong quản lý kinh doanh khách sạn. Có năng lực nghiên cứu và phản biện, sử dụng các giải pháp

	để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh khách sạn và các loại hình lưu trú.
<b>LO10</b>	Có kỹ năng làm việc theo nhóm, lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, phối hợp và duy trì hoạt động cho các nhóm có cùng mục tiêu.
<b>LO11</b>	Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, vận dụng tốt các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và các loại hình lưu trú.

### 2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt năng lực tự chủ và trách nhiệm như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>
<b>LO12</b>	Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị. Có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động của ngành quản trị khách sạn.
<b>LO13</b>	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và chịu trách nhiệm với xã hội. Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời để làm việc suốt đời.
<b>LO14</b>	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn nghiệp vụ quản trị khách sạn đã được đào tạo.
<b>LO15</b>	Có khả năng định hướng, đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ quản trị khách sạn, phát hiện và giải quyết các vấn đề.

### 2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

Cử nhân ngành Quản trị khách sạn có thể làm việc:

- Nhân viên lễ tân:
  - + Làm việc tại các khách sạn, resort, nhà nghỉ, hoặc các cơ sở lưu trú.
  - + Đảm nhiệm việc chào đón, làm thủ tục check-in/check-out cho khách hàng, hỗ trợ khách trong quá trình lưu trú.
- Nhân viên buồng phòng: Chịu trách nhiệm vệ sinh, chuẩn bị phòng cho khách và duy trì chất lượng phòng ở đạt tiêu chuẩn.
- Quản lý khách sạn: Làm việc ở các vị trí quản lý cấp trung hoặc cao cấp, như trưởng bộ phận lễ tân, quản lý nhà hàng, quản lý dịch vụ khách hàng.
- Nhân viên hoặc quản lý nhà hàng: Làm việc tại các nhà hàng thuộc khách sạn hoặc độc lập, chịu trách nhiệm vận hành và giám sát dịch vụ ăn uống.

- Nhân viên hoặc quản lý sự kiện: Tổ chức và điều hành các sự kiện, hội thảo, hoặc tiệc cưới tại khách sạn và khu nghỉ dưỡng.
- Chuyên viên marketing trong lĩnh vực du lịch - khách sạn: Phát triển chiến lược quảng bá, thu hút khách hàng đến các khách sạn hoặc dịch vụ liên quan.
- Khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ - khách sạn: Tự mở doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú, dịch vụ ăn uống hoặc tổ chức sự kiện.

### **2.5. Trình độ tin học, ngoại ngữ:**

Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên ngành Quản trị khách sạn của trường Đại học Tây Đô. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo Quy định về yêu cầu kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Công nghệ thông tin của Trường đại học Tây Đô.

### **2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị khách sạn sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Sinh viên có thể tự nghiên cứu, học tập, bổ sung những tri thức và kỹ năng nghiệp vụ còn thiếu nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch nhân sự ở nơi làm việc.
- Sinh viên có thể tiếp tục học tập ở các bậc cao hơn như thạc sĩ, hoặc tiến sĩ về Quản trị Khách sạn, Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành hoặc các lĩnh vực khác liên quan.

### **3. Các chương trình, chuẩn đầu ra đã tham khảo**

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ quốc gia ;
- Quyết định số 895/QĐ-LĐTĐ ngày 30/07/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB và XH ban hành Tiêu chuẩn Kỹ năng nghề quốc gia Quản trị khách sạn.
- Các chương trình đào tạo và CDR tham khảo : Tham khảo các CTĐT cùng chuyên ngành và các CTĐT tương tự của các trường đại học trong nước.
  1. CTĐT Quản trị khách sạn, Trường Đại học Thương Mại : <https://qldt.tmu.edu.vn/upload/news/files/4-qd-ban-hanh-cdr-ctdt-quan-tri-khach-san-chuong-trinh-chat-luong-caopdf-1682657233.pdf>
  2. CTĐT Quản trị khách sạn, Trường Du lịch – Đại học Huế : <http://huht.hueuni.edu.vn/ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-nganh-quan-tri-khach-san.html>

3. CTĐT Quản trị Khách sạn, Trường Đại học Nha Trang :  
<https://ctdt.ntu.edu.vn/chuongtrinhdt/46>
4. CTĐT Quản trị Khách sạn, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM :  
<https://huflit.edu.vn/wp-content/uploads/2023/03/chuong-trinh-dao-tao-nganh-khach-san-2019.pdf>

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ**

(không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh)

**5. Đối tượng tuyển sinh**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

**6.1 Quy trình đào tạo**

- Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021).

- Thực hiện theo học chế tín chỉ kết hợp học tập thực tế.

- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa, năm học và học kỳ. Khóa học được thực hiện 3,5 năm. Một năm học có 03 học kỳ chính, mỗi học kỳ kéo dài 04 tháng (HK1: Tháng 9 → Tháng 12; HK2: Tháng 01 → Tháng 04; HK3: Tháng 5 → Tháng 8), trong đó mỗi học kỳ gồm 12 tuần học và dự trữ, 02 tuần thi. Khoảng nghỉ giữa mỗi kỳ là 02→03 tuần (chưa bao gồm nghỉ Tết). Số tín chỉ trung bình mỗi học kỳ từ 12 →15 tín chỉ.

**5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021) và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.
- e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

### 7. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

<b>Điểm số theo thang điểm 10</b>	<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm số theo thang điểm 4</b>
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

### 8. Nội dung chương trình đào tạo:

**130 tín chỉ**

+	Kiến thức giáo dục đại cương	<b>26</b>
	▪ Bắt buộc	26
	▪ Tự chọn	0
+	Kiến thức cơ sở ngành	<b>22</b>
	▪ Bắt buộc	15
	▪ Tự chọn	7
+	Kiến thức chuyên ngành	<b>70</b>
	▪ Bắt buộc	54

	▪ Tự chọn	16
+	Thực tập, thực hiện khóa luận (hoặc tiểu luận và học thay thế)	12

### 8.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 26 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	
7	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	
8	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	
9	0301001673	Tin học căn bản	3	
10	0301000060	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	
11	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	
12	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	
13	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**		
14	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**		
15	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	
16	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**		
17	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**		
18	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	
19	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**		
20	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**		
<b>Tổng</b>			<b>26</b>	

### 8.2

### Kiến thức cơ sở ngành: 22 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
21	0301001677	Tổng quan du lịch	3	
22	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	
23	0301001609	Phương pháp nghiên cứu khoa học QTKS	2	
24	0301002050	Địa lý du lịch & Thắng cảnh Việt Nam	3	
25	0301001790	Quản lý Nhà nước về du lịch	2	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
26	0301000446	Quản trị học	3	
<b>Học phần tự chọn</b>			<b>7</b>	
27	0301000236	Kinh tế vi mô	3	
28	0301002402	Kinh tế vĩ mô	2	
29	0301002051	Marketing căn bản	3	
30	0301001791	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2	
31	0301001792	Kỹ năng học tập bậc đại học	2	
32	0301000284	Lịch sử văn minh thế giới	2	
33	0301000081	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2	
<b>Tổng</b>			<b>22</b>	

### 7.3. Kiến thức ngành: 82 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
34	0301000339	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	
35	0301000451	Quản trị kinh doanh lưu trú	2	
36	0301001793	Quản trị nhân sự khách sạn	2	
37	0301001794	Ứng dụng CNTT trong kinh doanh (nhà hàng)	2	
38	0301001795	Nghiệp vụ quản lý an toàn vệ sinh trong nhà hàng	2	
39	0301000486	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	
40	0301001796	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	2	
41	0301001914	Kỹ năng hoạt náo	2	
42	0301000433	Quản lý điều hành yến tiệc	2	
43	0301001797	Quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ	2	
44	0301001798	Quản trị du lịch MICE	2	
45	0301002214	Văn hóa du lịch	2	
46	0301000336	Nghiệp vụ buồng phòng	2	
47	0301001799	Quản trị khu du lịch, khu nghỉ dưỡng	2	
48	0301002481	Nghiệp vụ phục vụ bàn, quầy bar	2	
49	0301001801	Quản trị ẩm thực	2	
50	0301002483	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
51	0301001802	Lập & Phân tích dự án kinh doanh khách sạn	3	
52	0301002086	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	
53	0301001803	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	
54	0301001922	Quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn	2	
55	0301001950	Nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn	2	
56	0301002482	Văn hóa đa quốc gia	2	
57	0301001805	Chuyên đề trong kinh doanh Nhà hàng khách sạn (năm 3)	4	
58	0301001804	Thực tế - QTKS	2	
59	0301002486	Thực tập tốt nghiệp – QTKS	4	
60	0301002487	Khóa luận tốt nghiệp – QTKS	8	
61	0301002488	Tiểu luận tốt nghiệp – QTKS	8	
62	0301002489	Du lịch thế giới		
63	0301001807	Khởi nghiệp kinh doanh khách sạn		
<b>Phần tự chọn</b>			<b>16</b>	
64	0301000454	Quản trị marketing	2	
65	0301001800	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	
66	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	
67	0301000333	Nghệ thuật quảng cáo	2	
68	0301000310	Marketing du lịch	2	
69	0301000410	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	2	
70	0301000428	Quan hệ công chúng	2	
71	0301001916	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2	
72	0301001921	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	
73	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	
74	0301002484	Quản trị rủi ro trong du lịch	2	
75	0301002485	Quản trị chiến lược du lịch	2	
76	0301001915	Quản trị điểm đến du lịch	2	
77	0301001806	Phát triển du lịch bền vững	2	
78	0301002581	Quản trị bán hàng	2	
	0301000461	Quản trị thương hiệu	2	
<b>Tổng</b>			<b>82</b>	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG: 130 TÍN CHỈ</b> (Bắt buộc: 99 TC; Tự chọn: 31 TC) và 11 TC học phần điều kiện.				

### 8. Kế hoạch giảng dạy: (dự kiến)

#### Học kỳ 1:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001035	Giáo dục thể chất 1-Bóng chuyền**	1	1			30
2	0301001036	Giáo dục thể chất 1-Bóng đá**	1				
3	0301001037	Giáo dục thể chất 1-Cầu lông**	1				
4	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2		30	
5	0301001673	Tin học căn bản	3	3			90
6	0301001677	Tổng quan du lịch	3	3		45	
7	0301000446	Quản trị học	3	3		30	30
8	0301001621	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2		30	
9	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2		30	
<b>Tổng:</b>			<b>15+1</b>	<b>15+1</b>		<b>165</b>	<b>150</b>

#### Học kỳ 2:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301000660	Giáo dục thể chất 2-Bóng chuyền**	1	1			30
2	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**	1				
3	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**	1				
4	0301001769	Triết học Mác – Lênin	3	3		45	
5	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	
6	0301001790	Quản lý Nhà nước về du lịch	2	2		30	
7	0301001789	Phương pháp nghiên cứu khoa học – QTKS	2	2		30	
8	0301000236	Kinh tế vi mô	3		3	30	30
9	0301000308	Marketing căn bản	3			30	30
<b>Tổng:</b>			<b>14+1</b>	<b>11+1</b>	<b>3</b>	<b>195</b>	<b>60</b>

#### Học kỳ 3:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	
2	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	
3	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	8			
<b>Tổng:</b>			<b>6+8</b>	<b>6+8</b>		<b>90</b>	

#### Học kỳ 4

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001030	Giáo dục thể chất 3-Bóng chuyền**	1	1			30
2	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1				
3	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**	1				
4	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
5	0301002050	Địa lý du lịch & thắng cảnh Việt Nam	3	3		45	
6	0301001917	Ứng dụng CNTT trong du lịch (nhà hàng)	2	2		30	
7	0301000339	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	2		30	
8	0301000451	Quản trị kinh doanh lưu trú	2	2		30	
9	0301001654	Lịch sử văn minh thế giới	2		4	30	
10	0301000081	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2			30	
11	0301001791	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2			30	
12	0301001792	Kỹ năng học tập bậc đại học	2			30	
13	0301002402	Kinh tế vĩ mô	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>15+1</b>	<b>11+1</b>	<b>4</b>	<b>225</b>	<b>30</b>

#### Học kỳ 5:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
2	0301002086	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3		45	
3	0301001801	Quản trị ẩm thực	2	2		30	
4	0301001803	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	4		60	
5	0301001793	Quản trị nhân sự khách sạn	2	2		30	
6	0301000454	Quản trị marketing	2		2	30	
7	0301001800	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>15</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	<b>225</b>	

#### Học kỳ 6:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
2	0301000486	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2		30	
3	0301001796	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	2	2		30	
4	0301001914	Kỹ năng hoạt náo	2	2		30	
5	0301001802	Lập & Phân tích dự án kinh doanh khách sạn	3	3		45	
6	0301000410	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	2		4	30	
7	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2			30	
8	0301000333	Nghệ thuật quảng cáo	2			30	
9	0301000310	Marketing du lịch	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>15</b>	<b>11</b>	<b>4</b>	<b>210</b>	<b>30</b>

#### Học kỳ 7:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001797	Quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ	2	2		30	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
2	0301000336	Nghiệp vụ buồng phòng	2	2		30	
3	0301002481	Nghiệp vụ phục vụ bàn, quầy bar	2	2		30	
4	0301002482	Văn hóa đa quốc gia	2	2		30	
5	0301000428	Quan hệ công chúng	2		4	15	30
6	0301001916	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2			30	
7	0301001921	Quản trị kinh doanh lữ hành	2			30	
8	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2			15	30
<b>Tổng:</b>			<b>12</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>210</b>

#### Học kỳ 8:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001795	Nghiệp vụ quản lý an toàn vệ sinh trong nhà hàng	2	2		30	
2	0301002483	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	2	2			60
3	0301001805	Chuyên đề kinh doanh Nhà hàng khách sạn (năm 3)	4	4			120
4	0301002214	Văn hóa du lịch	2	2		30	
5	0301001922	Quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn	2	2		30	
6	0301002484	Quản trị rủi ro trong du lịch	2		2	30	
7	0301001915	Quản trị điểm đến du lịch	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>14</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>120</b>	<b>180</b>

#### Học kỳ 9

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301001799	Quản trị khu du lịch, khu nghỉ dưỡng	2	2		30	
2	0301000433	Quản lý điều hành yến tiệc	2	2		30	
3	0301001798	Quản trị du lịch MICE	2	2		30	
4	0301001804	Thực tế - QTKS	2	2			60
5	0301002485	Quản trị chiến lược du lịch	2		4	30	
6	0301001806	Phát triển du lịch bền vững	2			30	
7	0301002581	Quản trị bán hàng	2			30	
8	0301000461	Quản trị thương hiệu	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>12</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>150</b>	<b>60</b>

#### Học kỳ 10:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	0301002486	Thực tập tốt nghiệp - QTKS	4	4			120
2	0301002487	Khóa luận tốt nghiệp - QTKS	8		8		240
3	0301002488	Tiểu luận tốt nghiệp - QTKS	4		4		120
4	0301002489	Du lịch thế giới	2		4	30	
5	0301001807	Khởi nghiệp kinh doanh khách sạn	2			30	
<b>Tổng</b>			<b>12</b>	<b>4</b>	<b>8</b>	<b>60</b>	<b>240</b>

*Ghi chú\*\*:* Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

#### 9.1. Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đối với học phần thực tập, thực hành

= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

Một tiết giảng là 50 phút.

#### 9.2. Chương trình ngành Quản trị khách sạn được thiết kế theo đơn ngành

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.



*Trần Công Luận*